CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP

Ngày 30/06/2025	8,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**-3.3%**	**-**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 11,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	973
Số lượng CPLH (CP)	110,610,670
KLGD BQ 20 phiên (CP)	493,630
Sở hữu nước ngoài	2.8%
Beta	1.15
EPS	1,159
P/E	7.6

DT thuần
Q2/25
41.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.6| 294%
YoY: ▼44.1| -51.8%

LN thuần
Q2/25
67.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 109| 259%
YoY: ▼66.0| -49.6%

LN sau thuế
Q2/25
79.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 122| 287%
YoY: ▼47.8| -37.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
175%
YoY: +/-▲ 520%

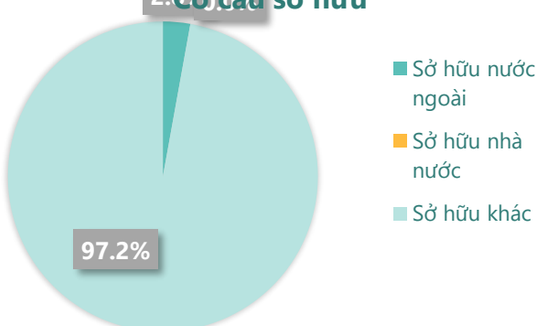
ROE (TTM)
Q2/25
6.5%
YoY: +/-▼ 1.3%

DT thuần
6T 2025
51.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼124| -70.7%

LN thuần
6T 2025
25.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼267| -91.4%

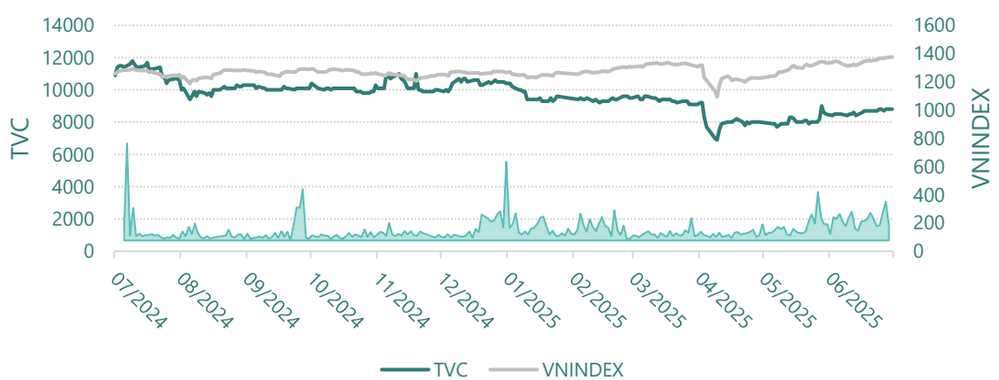
LN sau thuế
6T 2025
36.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼249| -87.1%

Cơ cấu sở hữu

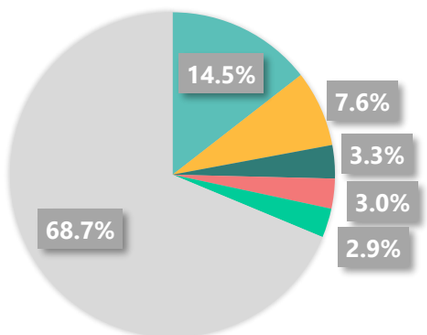


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

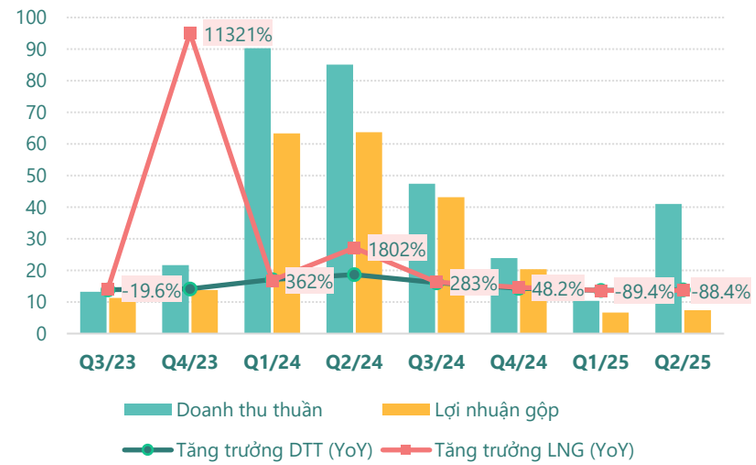


Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt
Phạm Thanh Tùng
CTCP Dịch vụ Tài chính Miền Bắc
Đỗ Thanh Hà
Phạm Thanh Hoa
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

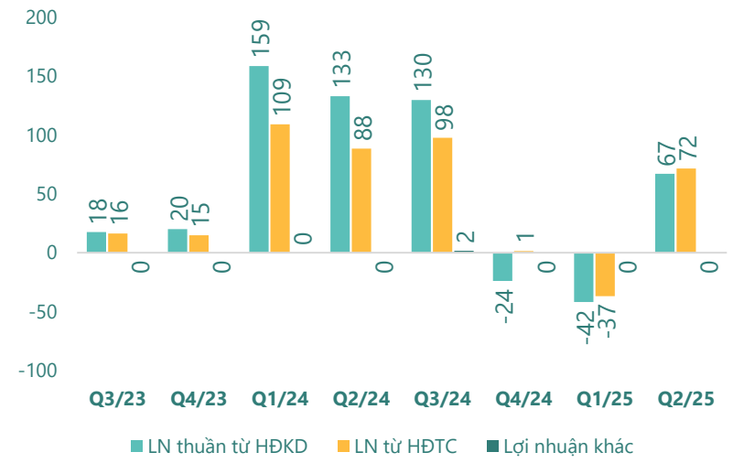
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



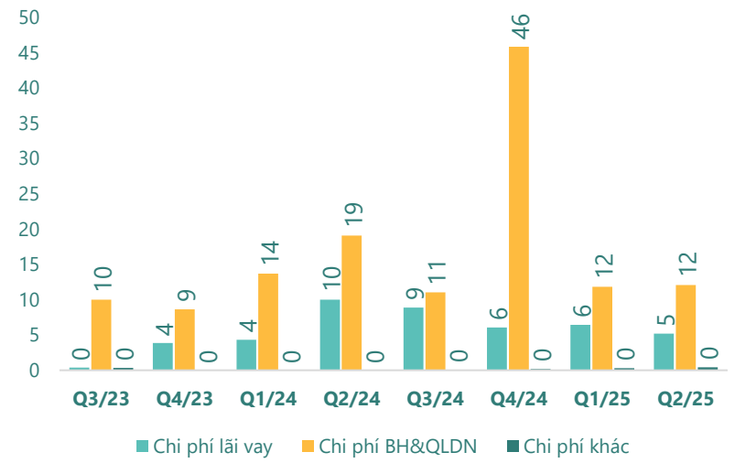
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



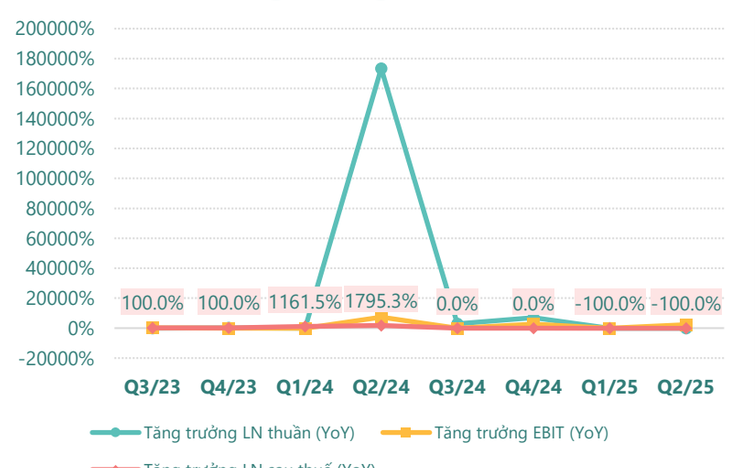
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



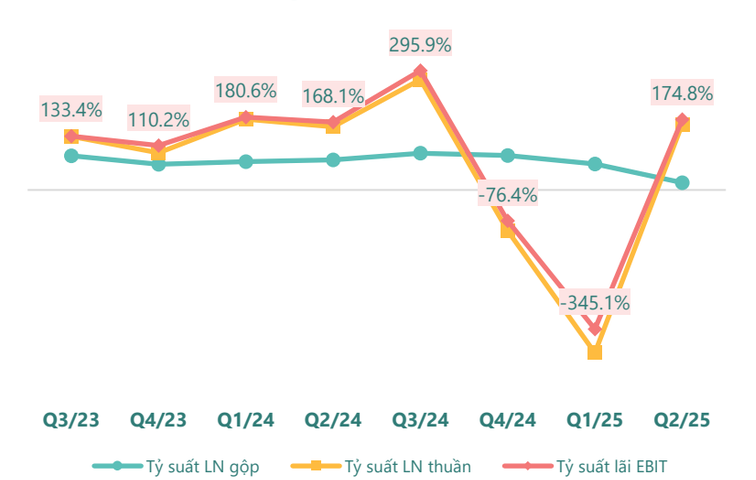
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



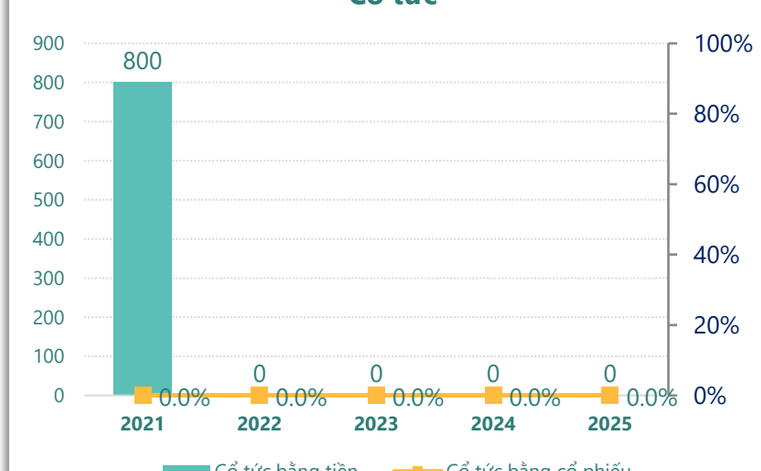
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

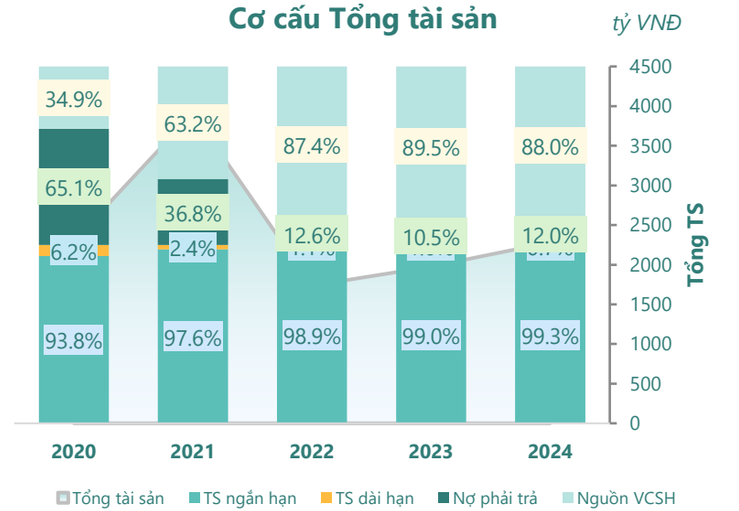
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

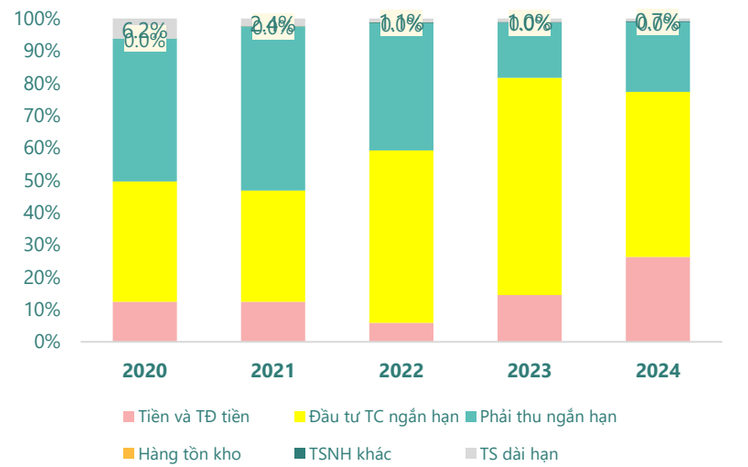
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



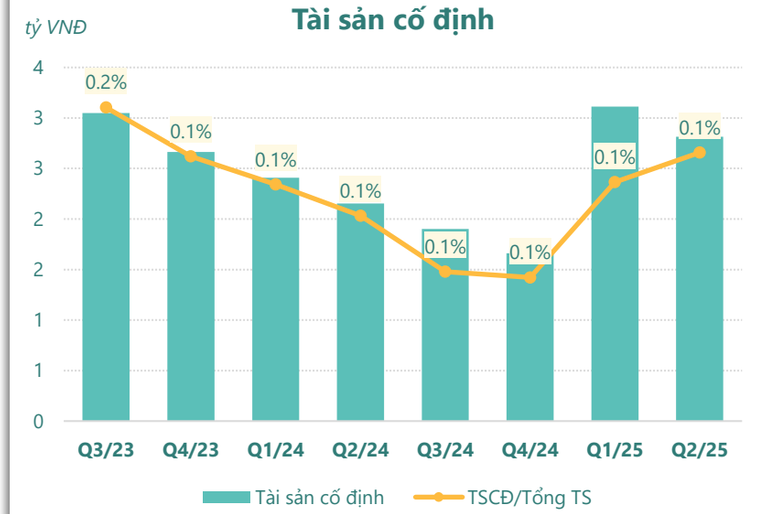
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



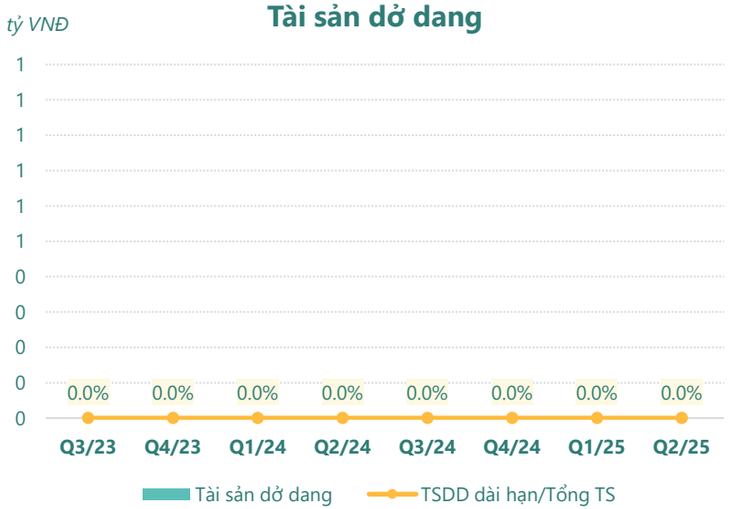
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



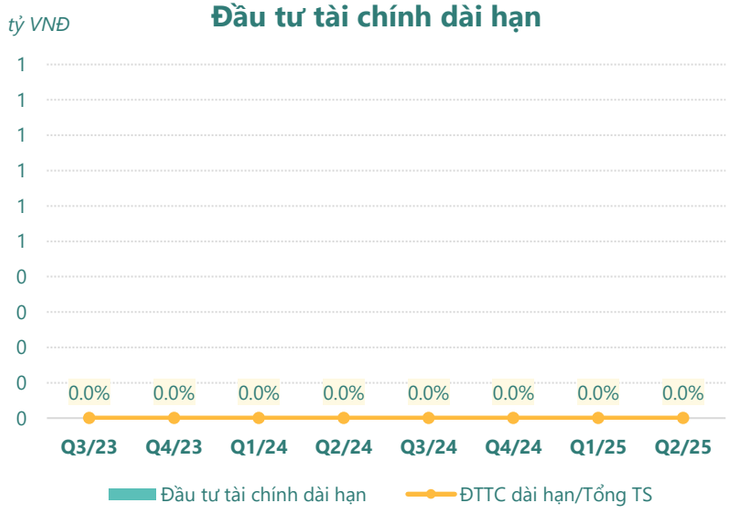
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



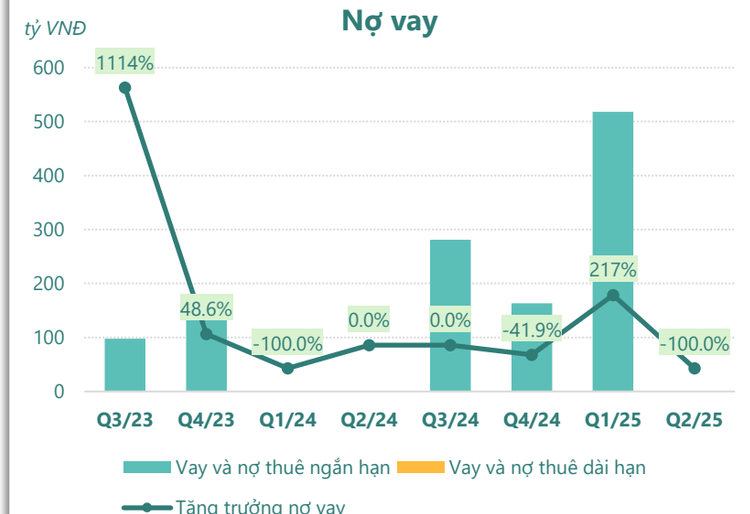
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

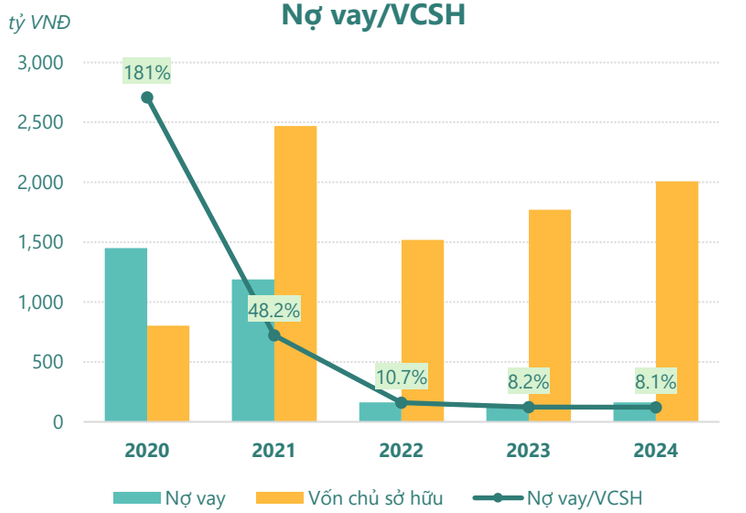
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

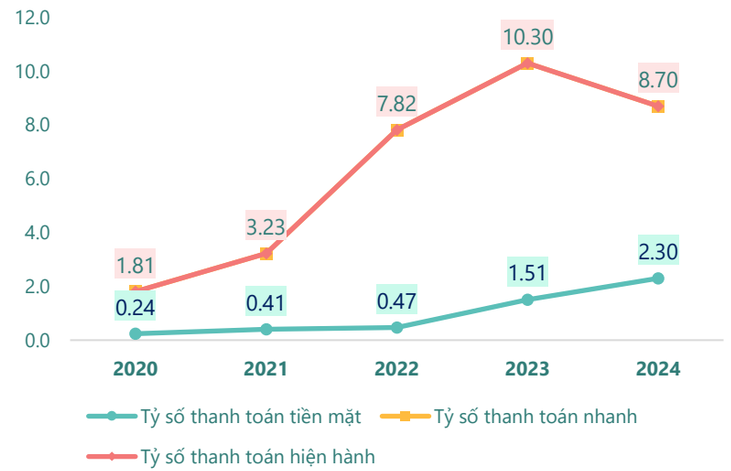
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



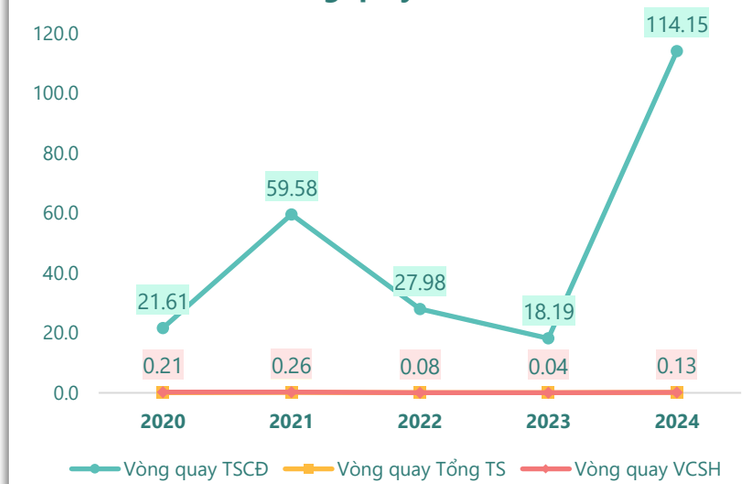
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



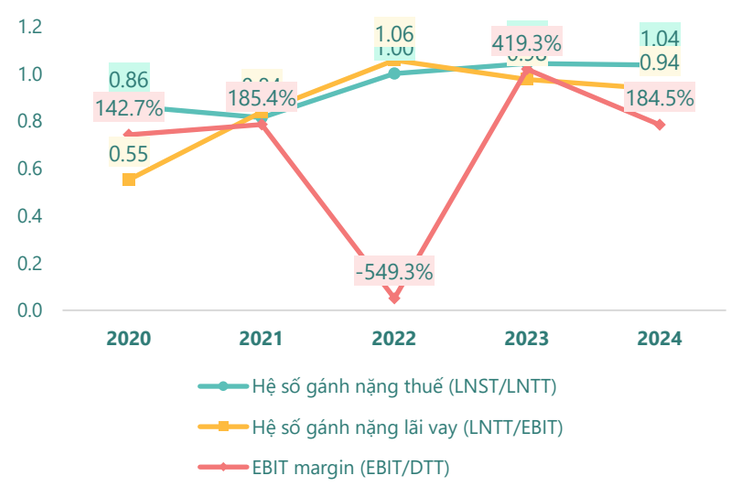
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



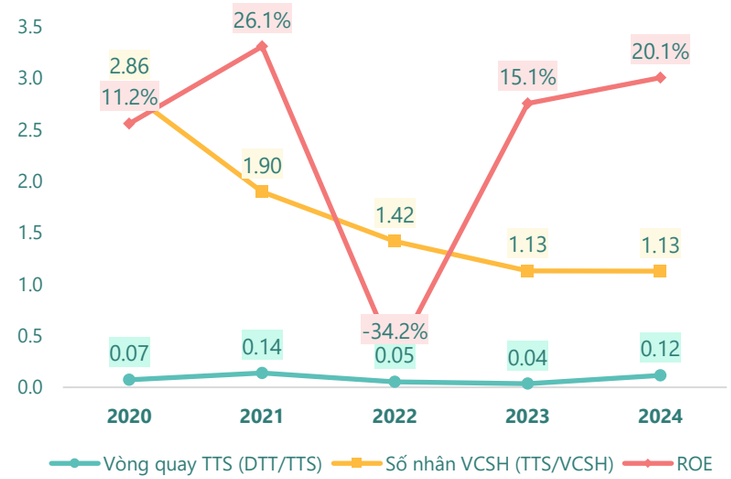
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



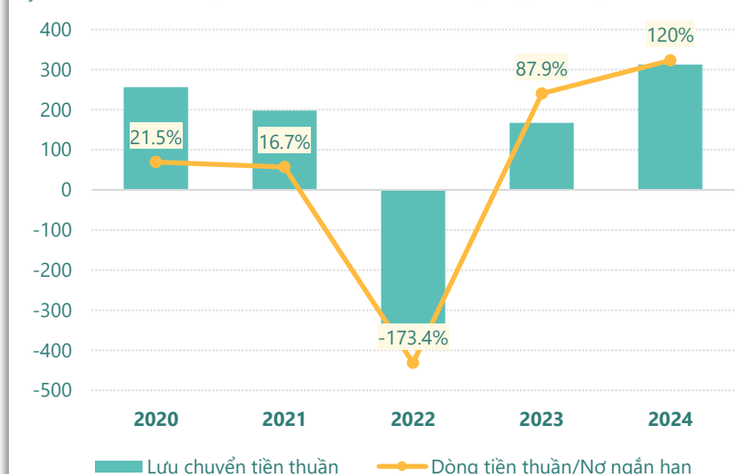
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**41.0**	**85.1**	**-51.8%**	**51.4**	**175**	**-70.7%**
Giá vốn hàng bán	33.6	21.4	57.0%	37.3	48.3	-22.8%
Lợi nhuận gộp	7.42	63.7	-88.4%	14.1	127	-88.9%
Doanh thu HĐTC	68.6	96.0	-28.5%	74.7	162	-54.0%
Chi phí TC	-3.05	7.58	-140%	39.9	-35.2	213%
Chi phí lãi vay	5.18	10.0	-48.2%	11.6	14.3	-19.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.04	11.8	-99.7%	0.09	11.8	-99.3%
Chi phí QLDN	**12.1**	**7.34**	**64.3%**	**23.9**	**21.0**	**13.4%**
LN thuần từ HĐKD	67.0	133	-49.6%	25.0	292	-91.4%
Lợi nhuận khác	**-0.44**	**-0.02**	**-2076%**	**-0.74**	**-0.02**	**-4150%**
LN trước thuế	66.5	133	-50.0%	24.2	292	-91.7%
Lợi nhuận sau thuế	**79.2**	**127**	**-37.6%**	**36.9**	**286**	**-87.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**74.2**	**96.6**	**-23.2%**	**30.7**	**231**	**-86.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.3	623	-620	414	-754	1,796
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	230	-48.7	-102	-221	0	4.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	145	-291	281	-118	355	-545
Tiền đầu kỳ	286	743	1,010	569	599	199
Lưu chuyển tiền thuần	**441**	**283**	**-441**	**75.3**	**-400**	**1,255**
Ảnh hưởng tỷ giá	16.2	-16.2	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	743	1,010	569	644	199	1,454

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,060**	**2,281**	**-9.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,043	2,264	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	1,454	599	143%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.2	1,166	-92.1%
Phải thu ngắn hạn	488	491	-0.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.32	9.42	-11.7%
Tài sản dài hạn	**17.3**	**17.0**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	14.4	15.0	-4.0%
Tài sản cố định	2.81	1.66	69.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.05**	**0.31**	**-82.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.5	273	-72.0%
Nợ ngắn hạn	**76.5**	**260**	**-70.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	163	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.22	18.7	-98.8%
Nợ dài hạn	0	12.7	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,983**	**2,008**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,983**	**2,008**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	1,106	1,186	-6.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)